TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

**TRUNG TÂM ĐÀO TẠO CHUẨN ĐẦU RA**

# DANH SÁCH LỚP KỸ NĂNG MỀM - NĂM 2025

**BẮT ĐẦU HỌC: 07/06/2025**

| LỚP | Sáng Thứ 7 07/06/2025 | Chiều Thứ 7 07/062025 | Sáng CN 08/06/2025 | Chiều CN 08/06/2025 | Sáng Thứ 7 14/06/2025 | Chiều Thứ 7 14/06/2025 | Sáng CN 15/06/2025 | Chiều CN 15/06/2025 | Sáng Thứ 7 21/06/2025 | Chiều Thứ 7 21/06/2025 | Sáng CN 22/06/2025 | Chiều CN 22/06/2025 | Sáng Thứ 7 28/06/2025 | Chiều Thứ 7 28/06/2025 | Sáng CN 29/06/2025 | Chiều CN 29/06/2025 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | (7h45-11h00) | (13h45-17h00) | (7h45-11h00) | (13h45-17h00) | (7h45-11h00) | (13h45-17h00) | (7h45-11h00) | (13h45-17h00) | (7h45-11h00) | (13h45-17h00) | (7h45-11h00) | (13h45-17h00) | (7h45-11h00) | (13h45-17h00) | (7h45-11h00) | (13h45-17h00) |
| 25-KNM-59 (7CN) | Thầy Tịnh (KN3.Giao tiếp & Ứng xử ) | Thầy Tịnh (KN3.Giao tiếp & Ứng xử ) | Thầy Tịnh (KN3.Giao tiếp & Ứng xử ) | Thầy Tịnh (KN3.Giao tiếp & Ứng xử ) - Kiểm tra - | Thầy Quốc Toàn (KN2.Chuẩn bị CV & Trả lời Phỏng vấn) | Thầy Quốc Toàn (KN2.Chuẩn bị CV & Trả lời Phỏng vấn) | Thầy Quốc Toàn (KN2.Chuẩn bị CV & Trả lời Phỏng vấn) | Thầy Quốc Toàn (KN2.Chuẩn bị CV & Trả lời Phỏng vấn) - Kiểm tra - | Thầy Trần Tuấn (KN1. Ra quyết định và Xử lý vấn đề) | Thầy Trần Tuấn (KN1. Ra quyết định và Xử lý vấn đề) | Thầy Trần Tuấn (KN1. Ra quyết định và Xử lý vấn đề) | Thầy Trần Tuấn (KN1. Ra quyết định và Xử lý vấn đề) - Kiểm tra - | Cô Kim Thuỷ (KN4. Thuyết trình & Làm việc nhóm) | Cô Kim Thuỷ (KN4. Thuyết trình & Làm việc nhóm) | Cô Kim Thuỷ (KN4. Thuyết trình & Làm việc nhóm) | Cô Kim Thuỷ (KN4. Thuyết trình & Làm việc nhóm) - Kiểm tra - |
| | Phòng E5-04 | Phòng E5-04 | Phòng E5-04 | Phòng E5-04 | Phòng E5-08 | Phòng E5-08 | Phòng E5-08 | Phòng E5-08 | Phòng E3-08 | Phòng E3-08 | Phòng E3-08 | Phòng E3-08 | Phòng E5-05 | Phòng E5-05 | Phòng E5-05 | Phòng E5-05 |

✱✱✱ **Yêu cầu giảng viên điểm danh đầy đủ, chính xác và nhắc nhở các trường hợp vắng nhiều.**

| STT | MÃ SV | HỌ VÀ | TÊN | NGÀY SINH | NƠI SINH | LỚP | KN1 ra Quyết định và Xử lý vấn đề | | | | | KN2 chuẩn bị CV và trả lời Phỏng vấn | | | | | KN3 Giao tiếp và Ứng xử | | | | | KN4 Thuyết trình và Làm việc nhóm | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT |
| 1 | 242268 | Trần Hoài | An | 26/09/2006 | Cà Mau | DH24NNA01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | 212621 | Bùi Minh | Anh | 12/11/2003 | Vĩnh Long | DH21TIN05 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | 232639 | Trần Duy | Anh | 04/07/2005 | Hậu Giang | DH23MAR01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | 242870 | Vũ Tấn Tài | Anh | 03/01/2006 | Kiên Giang | DH24TCN03 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 5 | 241487 | Nguyễn Ngọc Khánh | Băng | 21/04/2006 | Cà Mau | DH24NNA01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 6 | 243331 | Lâm Gia | Bảo | 08/11/2006 | Sóc Trăng | DH24TCN03 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 7 | 242621 | Nguyễn Quốc | Đạm | 10/03/2006 | Kiên Giang | DH24TCN03 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 8 | 225860 | Phùng Ngọc Linh | Đan | 01/01/2004 | Cần Thơ | DH22LOG01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 9 | 233150 | Huỳnh Tấn | Đạt | 24/12/2005 | Sóc Trăng | DH23MAR01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 10 | 210573 | Huỳnh Trọng | Đạt | 24/06/2003 | An Giang | DH21TIN05 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 11 | 243581 | Trịnh Minh | Đạt | 04/01/2006 | Sóc Trăng | DH24TCN03 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 12 | 243406 | Trần Trường | Duy | 03/02/2006 | Cà Mau | DH24DPT03 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 13 | 243003 | Trần Văn | Hái | 19/07/2006 | Kiên Giang | DH24TCN03 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 14 | 2010176 | Đặng Hoàng | Hải | 12/08/2002 | Bạc Liêu | DH20YKH05 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 15 | 212796 | Trần Huy | Hoàng | 21/09/2003 | Hậu Giang | DH21TIN05 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 16 | 202937 | Nguyễn Chí | Học | 13/03/2002 | Kiên Giang | DH20TIN05 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 17 | 221151 | Nguyễn Thị Bích | Huê | 19/12/2004 | An Giang | DH22LOG01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 18 | 223802 | Phan Cao Ngọc | Hưởng | 09/11/2004 | An Giang | DH23KQT02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 19 | 213123 | Hồ Huỳnh Phú | Hữu | 31/10/2003 | Cần Thơ | DH21TIN05 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 20 | 211817 | Phạm Khắc | Huy | 19/11/2003 | Sóc Trăng | DH21TIN05 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

**TRUNG TÂM ĐÀO TẠO CHUẨN ĐẦU RA**

# DANH SÁCH LỚP KỸ NĂNG MỀM - NĂM 2025

**BẮT ĐẦU HỌC: 07/06/2025**

| LỚP | Sáng Thứ 7 07/06/2025 | Chiều Thứ 7 07/062025 | Sáng CN 08/06/2025 | Chiều CN 08/06/2025 | Sáng Thứ 7 14/06/2025 | Chiều Thứ 7 14/06/2025 | Sáng CN 15/06/2025 | Chiều CN 15/06/2025 | Sáng Thứ 7 21/06/2025 | Chiều Thứ 7 21/06/2025 | Sáng CN 22/06/2025 | Chiều CN 22/06/2025 | Sáng Thứ 7 28/06/2025 | Chiều Thứ 7 28/06/2025 | Sáng CN 29/06/2025 | Chiều CN 29/06/2025 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | (7h45-11h00) | (13h45-17h00) | (7h45-11h00) | (13h45-17h00) | (7h45-11h00) | (13h45-17h00) | (7h45-11h00) | (13h45-17h00) | (7h45-11h00) | (13h45-17h00) | (7h45-11h00) | (13h45-17h00) | (7h45-11h00) | (13h45-17h00) | (7h45-11h00) | (13h45-17h00) |
| 25-KNM-59 (7CN) | Thầy Tịnh (KN3.Giao tiếp & Ứng xử ) | Thầy Tịnh (KN3.Giao tiếp & Ứng xử ) | Thầy Tịnh (KN3.Giao tiếp & Ứng xử ) | Thầy Tịnh (KN3.Giao tiếp & Ứng xử ) - Kiểm tra - | Thầy Quốc Toàn (KN2.Chuẩn bị CV & Trả lời Phỏng vấn) | Thầy Quốc Toàn (KN2.Chuẩn bị CV & Trả lời Phỏng vấn) | Thầy Quốc Toàn (KN2.Chuẩn bị CV & Trả lời Phỏng vấn) | Thầy Quốc Toàn (KN2.Chuẩn bị CV & Trả lời Phỏng vấn) - Kiểm tra - | Thầy Trần Tuấn (KN1. Ra quyết định và Xử lý vấn đề) | Thầy Trần Tuấn (KN1. Ra quyết định và Xử lý vấn đề) | Thầy Trần Tuấn (KN1. Ra quyết định và Xử lý vấn đề) | Thầy Trần Tuấn (KN1. Ra quyết định và Xử lý vấn đề) - Kiểm tra - | Cô Kim Thuỷ (KN4. Thuyết trình & Làm việc nhóm) | Cô Kim Thuỷ (KN4. Thuyết trình & Làm việc nhóm) | Cô Kim Thuỷ (KN4. Thuyết trình & Làm việc nhóm) | Cô Kim Thuỷ (KN4. Thuyết trình & Làm việc nhóm) - Kiểm tra - |
| | Phòng E5-04 | Phòng E5-04 | Phòng E5-04 | Phòng E5-04 | Phòng E5-08 | Phòng E5-08 | Phòng E5-08 | Phòng E5-08 | Phòng E3-08 | Phòng E3-08 | Phòng E3-08 | Phòng E3-08 | Phòng E5-05 | Phòng E5-05 | Phòng E5-05 | Phòng E5-05 |

✱✱✱ **Yêu cầu giảng viên điểm danh đầy đủ, chính xác và nhắc nhở các trường hợp vắng nhiều.**

| STT | MÃ SV | HỌ VÀ | TÊN | NGÀY SINH | NƠI SINH | LỚP | KN1 ra Quyết định và Xử lý vấn đề | | | | | KN2 chuẩn bị CV và trả lời Phỏng vấn | | | | | KN3 Giao tiếp và Ứng xử | | | | | KN4 Thuyết trình và Làm việc nhóm | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT |
| 21 | 213136 | Trần Minh | Kha | 19/09/2003 | Bạc Liêu | DH21TIN05 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 22 | 213004 | Nguyễn Thị Kim | Khanh | 31/10/2003 | Vĩnh Long | DH21TIN05 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 23 | 224770 | Lư Gia | Kiệt | 26/05/2004 | Hậu Giang | DH22QTK01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 24 | 212914 | Dương Hoàng | Lanh | 18/06/2003 | Hậu Giang | DH21TIN05 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 25 | 219379 | Phan Trần Nhật | Linh | 23/04/2002 | Cần Thơ | DH21XDU02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 26 | 233722 | Nguyễn Tấn | Lộc | 18/06/2005 | Sóc Trăng | DH23MAR01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 27 | 233101 | Huỳnh Quốc | Minh | 29/04/2005 | Cần Thơ | DH23MAR01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 28 | 212668 | Saddam | Mubarak | 20/03/2003 | An Giang | DH21TIN05 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 29 | 190103 | Nguyễn Bảo | Ngân | 28/08/2001 | Cần Thơ | DH19KTR01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 30 | 213130 | Nguyễn Thị Bảo | Ngọc | 10/04/2003 | Cần Thơ | DH21QTK07 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 31 | 223292 | Nguyễn Thị Diễm | Ngọc | 13/05/2004 | Sóc Trăng | DH22QTS02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 32 | 241306 | Tô Tấn | Nguyên | 07/11/2006 | Cà Mau | DH24NNA01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 33 | 2110355 | Trần Thị Tuyết | Nhi | 29/05/2002 | Kiên Giang | DH21YKH07 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 34 | 243787 | Võ Thị Yến | Nhi | 18/10/2006 | Bạc Liêu | DH24TCN03 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 35 | 243408 | Nguyễn Huỳnh Bảo | Như | 11/07/2006 | Hậu Giang | DH24TCN03 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 36 | 226157 | Trần Thị Tuyết | Như | 08/04/2004 | Kiên Giang | DH22LUA02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 37 | 232681 | Huỳnh Trung | Nhựt | 15/04/2004 | Hậu Giang | DH23MAR01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 38 | 243067 | Nguyễn Phi | Pha | 28/10/2006 | Kiên Giang | DH24TCN03 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 39 | 233936 | Đặng Nguyễn Hoài | Phát | 06/09/2005 | Cần Thơ | DH23KQT02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 40 | 212592 | Võ Thành | Phát | 15/06/2003 | Kiên Giang | DH21XDU02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

**TRUNG TÂM ĐÀO TẠO CHUẨN ĐẦU RA**

# DANH SÁCH LỚP KỸ NĂNG MỀM - NĂM 2025

**BẮT ĐẦU HỌC: 07/06/2025**

| LỚP | Sáng Thứ 7 07/06/2025 | Chiều Thứ 7 07/062025 | Sáng CN 08/06/2025 | Chiều CN 08/06/2025 | Sáng Thứ 7 14/06/2025 | Chiều Thứ 7 14/06/2025 | Sáng CN 15/06/2025 | Chiều CN 15/06/2025 | Sáng Thứ 7 21/06/2025 | Chiều Thứ 7 21/06/2025 | Sáng CN 22/06/2025 | Chiều CN 22/06/2025 | Sáng Thứ 7 28/06/2025 | Chiều Thứ 7 28/06/2025 | Sáng CN 29/06/2025 | Chiều CN 29/06/2025 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | (7h45-11h00) | (13h45-17h00) | (7h45-11h00) | (13h45-17h00) | (7h45-11h00) | (13h45-17h00) | (7h45-11h00) | (13h45-17h00) | (7h45-11h00) | (13h45-17h00) | (7h45-11h00) | (13h45-17h00) | (7h45-11h00) | (13h45-17h00) | (7h45-11h00) | (13h45-17h00) |
| 25-KNM-59 (7CN) | Thầy Tịnh (KN3.Giao tiếp & Ứng xử ) | Thầy Tịnh (KN3.Giao tiếp & Ứng xử ) | Thầy Tịnh (KN3.Giao tiếp & Ứng xử ) | Thầy Tịnh (KN3.Giao tiếp & Ứng xử ) - Kiểm tra - | Thầy Quốc Toàn (KN2.Chuẩn bị CV & Trả lời Phỏng vấn) | Thầy Quốc Toàn (KN2.Chuẩn bị CV & Trả lời Phỏng vấn) | Thầy Quốc Toàn (KN2.Chuẩn bị CV & Trả lời Phỏng vấn) | Thầy Quốc Toàn (KN2.Chuẩn bị CV & Trả lời Phỏng vấn) - Kiểm tra - | Thầy Trần Tuấn (KN1. Ra quyết định và Xử lý vấn đề) | Thầy Trần Tuấn (KN1. Ra quyết định và Xử lý vấn đề) | Thầy Trần Tuấn (KN1. Ra quyết định và Xử lý vấn đề) | Thầy Trần Tuấn (KN1. Ra quyết định và Xử lý vấn đề) - Kiểm tra - | Cô Kim Thuỷ (KN4. Thuyết trình & Làm việc nhóm) | Cô Kim Thuỷ (KN4. Thuyết trình & Làm việc nhóm) | Cô Kim Thuỷ (KN4. Thuyết trình & Làm việc nhóm) | Cô Kim Thuỷ (KN4. Thuyết trình & Làm việc nhóm) - Kiểm tra - |
| | Phòng E5-04 | Phòng E5-04 | Phòng E5-04 | Phòng E5-04 | Phòng E5-08 | Phòng E5-08 | Phòng E5-08 | Phòng E5-08 | Phòng E3-08 | Phòng E3-08 | Phòng E3-08 | Phòng E3-08 | Phòng E5-05 | Phòng E5-05 | Phòng E5-05 | Phòng E5-05 |

✱✱✱ **Yêu cầu giảng viên điểm danh đầy đủ, chính xác và nhắc nhở các trường hợp vắng nhiều.**

| STT | MÃ SV | HỌ VÀ | TÊN | NGÀY SINH | NƠI SINH | LỚP | KN1 ra Quyết định và Xử lý vấn đề | | | | | KN2 chuẩn bị CV và trả lời Phỏng vấn | | | | | KN3 Giao tiếp và Ứng xử | | | | | KN4 Thuyết trình và Làm việc nhóm | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT |
| 41 | 233358 | Nguyễn Hoàng | Phúc | 15/08/2005 | Đồng Tháp | DH23MAR01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 42 | 200111 | Trần Hồng | Phúc | 23/10/2001 | Bến Tre | DH20QTK01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 43 | 236304 | Cao Diễm | Phương | 27/02/2005 | Cần Thơ | DH23KQT02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 44 | 211728 | Trần Thanh | Phương | 13/05/2003 | Sóc Trăng | DH21TIN05 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 45 | 243356 | Huỳnh Nhựt | Quang | 15/11/2006 | Kiên Giang | DH24TCN03 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 46 | 243007 | Lê Quang | Quý | 17/07/2006 | Tp.Hcm | DH24TCN03 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 47 | 211542 | Nguyễn Mạnh | Quỳnh | 20/09/2003 | Kiên Giang | DH21XDU02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 48 | 243110 | Nguyễn Quốc | Thái | 14/04/2006 | An Giang | DH24TCN03 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 49 | 243140 | Trần Quốc | Thiện | 07/12/2006 | Bạc Liêu | DH24DPT03 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 50 | 243198 | Đặng Thanh | Thư | 01/01/2006 | Vĩnh Long | DH24DPT03 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 51 | 242745 | Ngô Thị Mỹ | Thường | 12/08/2006 | Bạc Liêu | DH24DPT03 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 52 | 237199 | Mai Bé | Thùy | 02/02/2005 | Bạc Liêu | DH23KQT02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 53 | 211345 | Mạc Chí | Toán | 21/11/2003 | Cà Mau | DH21XDU02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 54 | 240415 | Nguyễn Thị Bích | Trâm | 25/01/2006 | Sóc Trăng | DH24NNA01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 55 | 212922 | Nguyễn Ngọc | Trinh | 06/07/2003 | Kiên Giang | DH21QTK07 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 56 | 212882 | Lê Quang | Trung | 02/04/2003 | Vĩnh Long | DH21TIN05 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 57 | 225067 | Nguyễn Thị Ngọc | Tuyền | 06/12/2004 | Vĩnh Long | DH22LOG01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 58 | 213009 | Nguyễn Võ Thúy | Vy | 13/02/2003 | Tiền Giang | DH22TIN09 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 59 | 210594 | Phạm Nguyễn Hoài | Phong | 30/10/2003 | Đồng Tháp | DH21LUA01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |